

# VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

## QUYỂN 9

(Phần Thượng)

Phần ba: Cận xứ phi viễn phi cận. Văn lại chia làm ba phần:

1. Tổng nêu cảnh trí.
2. Giải thích.
3. Kết thành.

“Quán” là Trung đạo quán trí. “Hết thấy pháp” là cảnh mười pháp giới. Nếu riêng luận về trí, thì trí vô sở quán, cho nên nêu “hết thấy” để hiển bày “đều không”. “Như thật” là giải thích chi tiết. Nhị biên tam đế không một không khác, gọi là “như”; chẳng phải thất phương tiện, cho nên gọi là “thật”. Dùng thật làm tướng, cho nên gọi là “Như thật tướng”. “Không điên đảo”: không có tám thứ đảo. “Bất động”: không bị hai thứ sinh tử làm động. “Bất thoái”: Tâm tâm tịch diệt nhập biển Tát-bà-nhã. “Bất chuyển”: không như phàm phu chuyển sinh tử, không như Nhị thừa chuyển phàm thành Thánh. “Như hư không”: chỉ có danh tự, mà danh tự thì bất khả đắc. Trung đạo quán trí cũng chỉ có danh tự, cầu bất khả đắc. “Vô sở hữu tánh”: không có tánh tự, tha, cộng, vô nhân v.v... “Hết thấy ngôn ngữ đạo đoạn”: bất khả tư nghì. “Bất sinh”: Hoặc (phiền não), trí, lý đều không sinh. “Bất xuất”: Như Lai sở tri rốt ráo không còn phát lại. “Bất khởi”: các phương tiện đều tịch diệt. “Vô danh”: danh bất năng danh. “Vô tướng”: tướng bất năng tướng. “Vô sở hữu”: không có hữu nhị biên. “Vô lượng”: không phải số pháp. “Vô biên”: không có phương sở. “Vô ngại vô chướng”: cùng khắp tất cả. “Chỉ do nhân duyên mà có”: kết.

Trên nêu thẳng Trung đạo quán tuệ, nay nêu song chiếu nhị biên, lý tánh rốt ráo thanh tịnh như trên nói, chẳng giải thoát chẳng mê hoặc mà từ nhân duyên mê hoặc mà sinh ra sinh tử, từ nhân duyên giải thoát mà sinh Niết-bàn. Lại, nhân duyên hữu có đối với Niết-bàn. “Từ điên đảo sinh”: sinh ở sinh tử. Đây là hiển bày ý song chiếu. “Thường ưa quán sát pháp tướng như thế”: tức các pháp Tam đế. Lại,

“Chỉ do nhân duyên mà có, từ điền đảo sinh”: kết cảnh Tam đế bất tư nghì. Cho nên, nói là giáo bất tư nghì. Lại, “quán tất cả pháp “không”, như thật tướng”: tiêu biểu thể quán. “Bất điền đảo...” chín câu: giải thích tướng quán, không bị nhị biên bất đảo làm động, gọi là “bất đảo bất động”. Không rơi vào nhị thừa phạm phu nhị địa, cho nên gọi “bất thoái bất chuyển”. Hai câu này nêu trí dụng. Lý chẳng phải vị lai, cho nên “bất sinh”, chẳng phải quá khứ, cho nên “bất xuất”, chẳng phải hiện tại, cho nên “bất khởi”. Thích luận quyển năm mươi một nói: “Như hư không, không nhập, không xuất, không trụ tướng”. Nhiếp Đại Thừa luận cũng nói: “Không có vị lai nhập xứ, không có quá khứ xuất xứ, không có hiện tại trụ xứ”. Quyển bốn mươi ba nói: “Nhân biên không khởi, gọi là bất xuất, duyên biên không khởi, gọi là bất sinh”.

Đây có mười chín câu: một câu đầu tổng, mười tám câu sau phù hợp với “mười tám Không” trong kinh Đại Phẩm. “Như thật tướng” tức đệ Nhất nghĩa Không. “Bất điền đảo” tức nội không, bên trong không có lục nhập, ngã, ngã sở, bất điền đảo. “Bất động” tức ngoại không, bên ngoài không bị lục trần lưu động. “Bất thoái” tức nội ngoại không, vì thập nhị nhập không cho nên nói bất thoái. “Bất chuyển” tức Không không. “Không” phá các pháp, các pháp là sở phá, “Không” là năng phá, không còn các pháp, chỉ có “Không” tồn tại. “Không” này cũng không, cho nên nói “Không không”. “Không” đã không, cho nên không còn năng chuyển, cho nên nói “bất chuyển”. “Như hư không” tức là đại không, vì để phá chấp phương kế cho nên nói như hư không. “Vô sở hữu tánh” tức Tất cánh không, các pháp không dư sót cho nên gọi Tất cánh không, vì tất cánh không cho nên Vô sở hữu tánh. “Hết thủy ngôn ngữ đạo đoạn” tức Nhất thiết không, hết thủy không bất khả thuyết cho nên “ngôn ngữ đạo đoạn”. “Bất sinh” tức Hữu vi không, hữu vi là nhân duyên hòa hợp, đã không hợp tức bất sinh. “Bất xuất” tức Vô vi không, không có tên gọi “xuất ly”, vì pháp xuất ly là không, cho nên gọi bất xuất. “Bất khởi” tức Vô thủy không, câu nguyên sơ bất khả đắc cho nên không khởi. “Vô danh” tức Tánh không, có thể hiểu. “Vô tướng” tức Tướng không. “Thật vô sở hữu” tức Bất khả đắc không, “Vô lượng” tức Hữu pháp không, hữu pháp tức hữu lượng; hữu lượng đã không, cho nên nói “vô lượng”. “Vô biên” tức Vô pháp không, vô pháp tức là tiêu biểu biên, nay Không, cho nên “vô biên”. “Vô ngại” tức Hữu pháp vô pháp không, hai thứ bất khả đắc cho nên nói “vô ngại”. “Vô chướng” tức Tán không, phòng ngăn chướng bất khả đắc, cho nên nói “vô chướng”.

Mười tám không đều là Trung đạo chánh tuệ, đều gọi là Không.



Tùy mười tám thứ cảnh cho nên nói mười tám đố thôi! Đại kinh nói: “đức Như Lai thường tu mười tám nghĩa Không”, cho nên dựng mười tám Không để giải thích mười tám câu.

Kệ có hai mươi tám hàng và ba câu, chia làm ba:

1. Một hàng, tụng nêu chương.
2. Hai mươi hai hàng, tụng tu hành.
3. Năm hàng và ba câu, tụng Hạnh thành tựu.

Trong phần trường hàng thì Hành xứ, Cận xứ, giải thích riêng, trong kệ thì hợp tụng chung, là để nói ý đồng khai hợp xen lẫn hiện bày, giải thích rộng lược lại trọn có thể nương. Bên trên mỗi phần Hành xứ, Cận xứ vẫn đều chia làm ba, nay kệ hợp tụng không có thứ lớp.

Phần thứ hai: tụng Tu hành, chia làm hai phần:

Phần một: từ “Nên trụ vào Hành xứ” trở xuống, mười bốn hàng, tụng sự viễn cận. Trên có mười thứ viễn ly, trong tụng lược không thứ lớp, tại văn có thể thấy. Cũng là tụng “nhân Không hành xứ”, lấy ý tức bao gồm tụng ba ý Cận xứ, cho nên kệ nói: “Đây thời gọi tên là Hành xứ, Thân cận xứ”. “Thường xa rời quốc vương”: Tỳ-kheo thân cận quốc vương có mười điều phi pháp:

1. Âm mưu (sai) xúi giục vua.
2. Vua giết đại thân.
3. Giữ kho mất báu vật.
4. Cung nơn ôm lòng dâm.
5. Độc trong thân vua.
6. Đại thân cạnh tranh.
7. Hai nước giao chiến.
8. Vua tiếc, không bố thí cho dân.
9. Thu góp vật của dân.
10. Nhiều tật dịch.

Nghĩa là Tỳ-kheo hành chú, khi có mười việc này thì tất cả thân dân cho là Tỳ-kheo làm, cho nên hủy báng Tỳ-kheo, tức là hủy báng pháp, cũng là hủy báng Phật. Cho nên, đức Phật không cho Tỳ-kheo thân cận quốc vương.

“Hàng ngoại đạo, Phạm chí”: Kinh Ma-Đăng-Già nói: “Ban đầu, có người tên là Phạm Thiên tạo một bộ sách Vi-đà, sau có một vị tiên tên gọi là Bạch Tịnh biến một thành bốn Vi-đà:

1. Tán tụng Vi-đà.
2. Tế tự.
3. Ca vịnh.

#### 4. Cầu đảo.

Mỗi mỗi đều có ba mươi hai vạn bài kệ hợp thành một trăm hai mươi tám vạn bài kệ, gồm một ngàn bảy trăm quyển. Tiếp sau có vị Bà-la-môn tên là Phất-sa có hai mươi lăm người đệ tử, đều đối với một bộ Vi-đà có thể rộng phân biệt, liền có hai mươi lăm Vi-đà. Tiếp, lại có người tên là Anh Vũ, biến một Vi-đà thành mười tám. Tiếp có người tên Thiện Đạo, có hai mươi một người đệ tử, biến thành hai mươi một Vi-đà. Cứ như vậy, dần dần biến thành một ngàn hai trăm sáu mươi sáu Vi-đà. Tỳ-Đà luận, Trung hoa dịch Trí luận, do Bà-da-sa làm, gồm có bốn thứ:

1. Tín lực Tỳ-đà, nêu thờ hoả diệt tội (lửa dập tắt tội).
2. Da-thọ Tỳ-Đà, nêu cúng dường Bà-la-môn thì được phước.
3. Sa-na Tỳ-đà, nêu hòa hợp hai nước.
4. A-đà-bà Tỳ-Đà nêu đấu chiến.

Đọc bốn thứ luận này tự xưng là người nhất thiết trí. Tỳ-già-la, Trung hoa gọi là Ký luận, do Bà-ni-ni tạo, nêu các thứ kinh sách và các tạp ngữ. Vệ Thế Sư luận do Ưu-lưu-khư tạo, Trung hoa dịch là Tối Thắng luận, xuất thế tám trăm năm, nêu lục đế. Ca-tỳ-la, Trung hoa dịch Hoàng đầu cũng gọi là Qui Chủng, tạo luận tên Tăng-khư. “Tăng khư”, Trung Hoa dịch là Vô Đảnh. Do tên người mà lập tên luận, cho nên gọi luận là Ca-tỳ-la, nói về hai mươi lăm đế.

“Học Tiểu thừa Tam tạng”: Lúc Phật ở thành Ba-la-nại, ban đầu vì năm người mà thuyết khế kinh Tu-đa-la tạng. Đức Phật ở thành La-duyệt, ban đầu vì Tu-na-đề thuyết Tỳ-ni tạng. Đức Phật ở nước Tỳ-xà-ly bên ao Di hầu, ban đầu vì Bạt-kỳ Tử thuyết A-tỳ-đàm tạng. Năm trăm vị La-hán đầu đem tập A-tỳ-đàm tạng nối tiếp Giải Thoát kinh đây là Tam tạng.

“Đam mê năm món dục”: Nói về Tướng dục thì người ở Tứ Thiên hạ, Rồng, A Tu la, Chuyển Luân, Tứ Thiên vương đều do tướng căn đến thành sự dục. Đạo-lợi thiên dùng gió là sự dục. Diệm thiên gần gũi nhau là sự dục. Đâu-suất lôi kéo nhau làm sự dục. Hóa-lạc thiên nhìn nhau là sự dục, Tha-hóa Tự-tại nghĩ đến nhau là sự dục. Các cõi Trời trên đều ly dục.

“Những gái goá, gái trinh”: Ngài A-nan hỏi: Sau khi Như Lai diệt độ, nếu chúng con thấy người nữ thì phải làm thế nào? Phật dạy: Chớ cùng họ gặp gỡ, nếu gặp thì chớ cùng nói chuyện, nếu phải nói chuyện, thì cũng nên chuyên tâm niệm Phật”.

“Và các kẻ bất nam”: Tiếng Phạn gọi là Ban-tra, Trung hoa dịch

là Huỳnh môn. Huỳnh môn: Có hình dáng nam nữ mà không phải khả năng nam nữ.

“Khi vào xóm khát thực”: Kinh Tạp A-hàm nói: Có một con dê riêng đến đồng phân ăn no, khi về với đàn dê thì tự cao, bảo là “ta được thức ăn ngon”. Tỳ-kheo cũng như vậy, được tứ sự cúng dường rồi khởi nhiệm trước tướng, không biết xuất yếu (nguyên lực cốt yếu thoát ly sinh tử). Nếu như không được, thì thường sinh tướng. Nếu được thì hưởng đến các Tỳ-kheo mà cống cao hủy miệt người khác, nói là “ta năng được, kia không năng được”. Đây gọi là Tỳ-kheo dê khát thực. Sư tử vương gặp thú lớn liền ăn nuốt, không mùi vị nào không bắt ăn, gặp được thú nhỏ cũng liền ăn không khinh chê thấp hèn. Tỳ-kheo cũng vậy được tứ sự cúng dường mà không khởi tâm đắm nhiễm, không có dục tướng, tự biết xuất yếu. Nếu không được lợi dưỡng thì cũng không khởi loạn tướng, tâm không tăng giảm. Đó gọi là Sư tử vương Tỳ-kheo khát thực. Khất thực tu hành bốn việc trừ bệnh tật, mà trước sau tám thời nêu tám sự tinh tấn tám việc giải đãi. Khất thực trước nên nghĩ như vậy: “vì tu đạo mà cứu bệnh đói khát”, xin tuy chưa được nhưng không phớt bỏ niệm tu hành. Khất thực được rồi thì phải vì báo ân mà niệm đạo không nghỉ, trước sau hai thời gấp bội càng thêm tinh tấn, ba việc còn lại trước sau cũng như vậy. Trái ngược với đây, thì gọi là tám việc giải đãi.

Kinh Bảo Vân nói: “Các thứ xin được trong khi khất thực đều chia làm bốn phần: một phần phụng cúng bậc phạm hạnh, một phần cho người ăn mày, một phần thí cho quỷ thần, một phần tự ăn”.

Phần hai: từ “Lại cũng chẳng vin theo” trở xuống tám hàng, tụng lý phi cận phi viễn và viễn cận xứ.

Phần thứ ba: từ “Nếu có vị Tỳ-kheo” trở xuống năm hàng và ba câu, tụng Hạnh thành, lại chia làm ba: 1. Một hàng rưỡi, tụng Hạnh thành, sự thành uy nghi bên ngoài không lầm lỗi, lý thành trong tâm không vướng động cho nên nói “Không có chút khiếp nhược”. 2. Từ “Vị Bồ-tát có lúc”. trở xuống, ba hàng, tụng: Hạnh thành mà được an lạc. “Bồ-tát vào tịnh thất...” là giải thích nhân của sự an lạc. Do tu thiện định mà dừng các ác lỗi, được Nhân (người) vô ngã, ngoài thì không tổn hại. Do tu trí tuệ mà lìa các chấp trước, được Pháp vô ngã, trong không điên đảo, thì tâm không khiếp nhược, không khiếp nhược gọi là an lạc. 3. Từ “Văn-thù” trở xuống một hàng và một câu, tụng tổng kết trường hàng.

Thứ hai: Khẩu an lạc hạnh, cũng có trường hàng và kệ tụng.

Trường hàng làm hai: 1. Nêu chương. 2. Giải thích hành pháp. Nêu

chương như văn. Từ “Hoặc miệng tuyên nói” trở xuống, là Giải thích hành pháp. Lại có hai môn: Chỉ hạnh, Quán hạnh.

Chỉ hạnh môn, chia làm bốn: 1. Không nói lỗi lầm. 2. Không khinh mạn. 3. Không khen chê. 4. Không oán hiềm.

1. Không ưa nói lỗi của người và Kinh điển: Người nghe có lỗi, pháp có lỗi gì! Pháp Thất phương tiện là Phật tùy ý người khác mà nói, gọi là bất liễu nghĩa. Nếu nói lỗi của pháp kia, thì xúc não người kia, chẳng phải tướng của an lạc hạnh. 2. Không khinh mạn: Không ý Viên mà khinh khi Thiên, trọng Thật mà khinh Quyển. 3. Không nói người khác hay, dở: Ban đầu không nói với hết thầy mọi người, tiếp đến riêng nêu hàng Thanh văn. Phạm là người thì ai cũng ghét nghe lỗi của mình, bởi vậy không nên đàm luận điều dở của người. Trước mặt người này khen, nhưng đối người kia thì đó là chê bai, cho nên không xưng tụng điều hay, cũng không dựa vào phô trương nói trả lại điều hay. Trả lại tức cho rằng vì người khác hay chê mình dở, dựa vào người kia để nói dở người này. Cũng không được hoàn toàn phô trương nói trả lại điều dở, sau lưng chê người kia, tức ngược lại là chê ta. Vì nghĩa này, cho nên thiện ác đều dừng. Lại, “Không nói nói hay, dở”: Kinh Nhật Tạng quyển thứ nhất nói: “Đầu hôm, giữa hôm, cuối hôm, ít ngủ tỉnh táo, tinh tiến ngồi thiền tụng kinh tu đạo, quay lưng bỏ lại sinh tử, hưởng đường Niết-bàn. Không nói người dở, không nói mình hay, khiêm hạ thấp mình, không nên tự cao kiêu ngạo. Biết đủ trong việc ăn mặc, Đầu-đà tinh tiến hành không phóng dật, buộc niệm tư duy, tâm không dong ruổi tán loạn. “Đối với tất cả chúng sinh thì khởi tâm từ bi”. Lại, như Tu-đa-la thuyết “Không hạnh”, tự đọc tụng và dạy người đọc tụng, không chê người, không nói lỗi của người, không khen mình. Đối với hạng Thanh văn căn tánh bất định, nếu tán thán Nhị thừa thì có thể khiến cho họ thoái tâm Đại thừa mà chọn Tiểu thừa; nếu chê trách Nhị thừa thì hoặc khiến họ mất cả hai Đại, Tiểu thừa, không chọn được. 4. Không sinh tâm oán hiềm: Nếu cho rằng Nhân, Pháp của họ hại đến đạo ta thì là tâm oán, cho rằng họ thấp kém xấu xa, tức là tâm hiềm. Tâm cơ một khi chuyển động, thì tiếng nói liền phát ra. Chấm dứt nói lỗi, là nguồn gốc không sinh oán hiềm.

Từ “Khéo tu như vậy” trở xuống, là Quán hạnh môn. Quán các pháp “Không”, chẳng có gì để chấp trước, tâm không chấp cầu thủ, không trái với ý người, không trái pháp tướng, thì “không dùng pháp Tiểu thừa để đáp, mà chỉ dùng pháp Đại thừa đáp”. Nếu gặp người không có căn cơ Đại thừa thì thuyết Tiểu thừa, thì họ được lợi ích

phương tiện. Nếu hiện đang không có người không có căn cơ Đại thừa, mà thuyết Tiểu thừa, thì làm ngăn ngại cơ duyên Đại thừa của người nghe kia. Trong trường hợp này nếu chỉ nói Đại thừa thì không có lỗi. Văn kệ có mười sáu hàng rưỡi, chia làm ba phần: 1. Hai hàng, tụng nêu chương. 2. Chín hàng rưỡi, tụng Hành pháp. 3. Năm hàng sau, tụng Hạnh thành.

Hai hàng đầu tụng Trụ an lạc hạnh. Bên trên tụng nêu nên trụ, trong tụng thì nêu chi tiết hành tướng. Hành tướng có ba: “An ổn thuyết kinh pháp”: nửa hàng, là muốn khiến cho người trước đắc đạo an ổn và quả, tức nghĩa vào nhà Như Lai. “Ở nơi chỗ thanh tịnh”... nửa hàng, tức nghĩa ngôi tòa Như Lai. “Dùng hương dầu xoa thân”... một hàng tức nghĩa mặc áo Như Lai. Ba pháp dẫn dắt khẩu nghiệp, gọi là “An lạc hạnh”.

Từ “Ngồi an nơi pháp tòa”... chín hàng rưỡi, tụng Hành pháp, chia làm hai: 1. Năm hàng rưỡi, tụng Chỉ hạnh. 2. Bốn hàng, tụng Quán hạnh.

Bên trên Chỉ hạnh có bốn: Nay tụng đủ: 1. “Theo chỗ hỏi mà nói” nửa hàng, tụng không khinh mạn, mạn thì không tùy theo. 2. Từ “Nếu có vị Tỳ-kheo” đến “Theo đúng nghĩa mà đáp”: hai hàng rưỡi, tụng không nói tốt xấu, chỉ y nghĩa không luận bàn việc tốt xấu của người. Nếu có người nạn vấn thì theo nghĩa mà đáp, có hai trường hợp: 1. Có thể đáp. 2. Không thể đáp. Hỏi đáp chất vấn nhau trên đến dưới, nếu hơn thua thì tự biết, đó là lời của bậc trí. Nếu buông ý, dám có trái ngược trách phạt, đó là lời của vua. Nếu tốt xấu phải trái đều không biết, chỉ muốn cho hơn mà thôi, đó là lời của người ngu. 3. Từ “Nhân duyên hoặc thí dụ” đến “Vào ở trong Phật đạo”: một hàng rưỡi, tụng tụng không ưa nói lỗi của người và của pháp. Nếu nói lỗi của người, thì sinh niệm độc ác với người. Nay không nói lỗi, khiến phát tâm nhập Phật đạo. Phật đạo từ hỷ lạc mà sinh. 4. Từ “Trừ tâm biếng nhác trễ” xuống một hàng, tụng tụng không oán hiềm. Tâm oán hiềm khởi, thì biếng nhác ưu não. Nay dùng tâm từ nói pháp, không oán hiềm, tinh tấn không ưu não. Trên văn trường hàng đều căn cứ khéo “Chỉ” mà nói, trong tụng đều căn cứ khéo “Hành” mà nói.

Từ “Ngày đêm thường tuyên nói giáo pháp Vô thượng đạo” trở xuống, bốn hàng tụng Quán hạnh. Trên nói: “Chỉ dùng Đại thừa đáp”, tụng nói: “thuyết vô thượng đạo”. Trên nói: “Khiến đắc nhất thiết chủng trí”, tụng nói “nguyện thành Phật đạo”.

Từ “Sau khi ta diệt độ” trở xuống năm hàng, tụng khẩu an lạc



hạnh thành tựu. 1. Một hàng, nêu hành thành. 2. Từ “Lòng không chút ganh hờn” trở xuống hai hàng, nêu trong không lỗi thì nạn ngoài không sinh, ví như không có vật hôi thối thì ruồi không đến. 3. Từ “Người trí khéo tu tập” trở xuống một hàng, nêu trong có thiện pháp cho nên hạnh thành tựu. “Như ta nói ở trên”, tức trong trường hàng nói. “Nếu bên trong không lỗi”, như trong kệ nói: Hoặc bên trong có thiện. 4. Từ “Công đức của người đó” trở xuống một hàng, tụng suy lường công đức, như văn kinh.

Phần thứ ba: Ý an lạc hạnh. Cũng có văn trường hàng và kệ tụng. Trường hàng cũng có ba: 1. Nêu chương. 2. Giải thích hạnh. 3. Kết thành. Trong phần giải thích, cũng trước Chỉ hạnh sau Quán hạnh.

Trong Chỉ hạnh có bốn: 1. Không hiềm siểm. 2. Không khinh mạn. 3. Không náo loạn. 4. Không cạnh tranh. Xét rằng Nhị thừa muốn nhanh vượt thoát sinh tử, thì trước hết trừ tham dục. Bồ-tát thì trước trừ sân kiến. Tật là sân cấu, siểm là kiến cấu. Tật nộ trái với tâm từ bi, không phải pháp hóa tha. Siểm cưỡng trái với đạo trí tuệ, chẳng phải pháp tự hành. Trí tuệ bị chướng ngại thì làm sao mà thượng cầu? Từ bi bị cấu uế ngăn ngại thì làm sao mà hạ hóa? Để được an lạc hạnh thì Bồ-tát rất cần phải vứt bỏ các thứ gây chướng ngại này. “Cũng chớ khinh mạn...” là không nên dùng Viên hạnh mà trách Biệt hạnh. Biết căn cơ thì có thể trách, không biết thì chớ mạn, chấp nhận có nghĩa thoái thất thiện căn. Từ “Nếu hàng Tỳ-kheo” trở xuống: là không nên dùng Viên mà trách Thông, vì họ vốn không có căn cơ Đại thừa. Nếu gượng dùng Viên mà quở trách, thì trái với tâm, thành phiền não. Thông đã bị quở trách, Viên lại chưa hiểu, trước nghi ngờ sau hối hận, Đại Tiểu đều mất. “Cách đạo” xa quanh co, gọi là “rất xa”, đây là náo Biệt hành nhân. “Trầm Không, thủ chứng” gọi là “bất đắc”, đây là náo người Thông giáo. Nhàm chán sinh tử, gọi là “giải đãi”. Kinh Bi Hoa nói “Tiểu thừa, gọi là giải đãi”.

Từ “Khởi tâm đại bi” trở xuống, nêu Quán hạnh, cũng có bốn, căn cứ bốn điều ác trước mà khởi hành thiện: 1. “Đối với nhất thiết chúng sinh thì khởi tâm đại bi”, trái với tật siểm. 2. “Đối với các đức Như Lai thì khởi tưởng như Cha lành”, trái với khinh mạn. Phàm cầu Phật đạo tức là người học Phật, kính người học như Phật, không được khinh mạn, các vị ấy thông ba đời, đây tức là Như Lai đời vị lai. 3. “Đối với Bồ-tát thì khởi tưởng là bậc đại sư”, trái với náo loạn. Theo Lý mà luận thì Tam thừa đều là Bồ-tát, có công đức dạy bảo hóa độ, đều là thầy của chúng sinh, cho nên khởi tưởng là thầy, chớ cho rằng họ xấu. 4. “Bình

đẳng thuyết pháp”, trái với tranh luận. Bình đẳng phá sự tranh luận do thiên chấp. “Chẳng nói nhiều chẳng nói ít” với người lợi căn, độn căn.

Từ “Văn-thù-sư-lợi” trở xuống, là kết Hạnh thành, chia làm hai: 1. Do đĩnh chỉ ác, ác không tăng thêm, cho nên nói “không thể nào loạn”. 2. Do quán hạnh cho nên người giỏi đến tụ tập, gọi là “được bạn đồng học tốt”.

Kệ có sáu hàng: 1. Năm hàng, tụng hai hạnh Chỉ Quán bên trên, mỗi hạnh đều có bốn ý. 2. Một hàng, tụng Hạnh thành.

Phần thứ tư: Thệ nguyện an lạc hạnh có hai: Trường hàng. Kệ tụng. Trường hàng lại có hai: trước nêu Hành pháp, sau nêu Tấn kinh.

1. Hành pháp lại có ba: 1. Nêu chương. 2. Hành pháp. 3. Kết thành. Nêu chương như văn. Hành pháp lại có ba: 1. Từ “Tại gia xuất gia” trở xuống, nêu cảnh thệ nguyện. 2. Từ “Suy nghĩ thế này” trở xuống: là nêu nguyên do khởi thệ nguyện. 3. Từ “Lúc ta đắc” trở xuống: chánh lập thệ nguyện. Ban đầu nêu cảnh Từ nguyện. Gọi chung mọi người từng phát tâm phương tiện mà chưa ra khỏi ba cõi, là “tại gia”, đoạn hết Thông hoặc thì gọi là “xuất gia”. Đây là thâm nhiếp được hai thứ Nhị thừa, ba thứ Bồ-tát. Những hạng người này cũng đầy đủ vô minh, cũng nên là cảnh đại bi, chỉ vì họ đều từng phát tâm, tương ứng với Từ nguyện, cần phải cho họ sự an lạc của Viên đạo Viên quả, cho nên nói “sinh đại từ tâm”. Cảnh bi ấy, chẳng những người hàng Bồ-tát mà còn chung cả người chưa từng phát tâm phương tiện, tức gọi là “chẳng phải Bồ-tát”. Họ hoàn toàn không hưởng về phương tiện, hướng lại chân thật. Đây là cảnh Bi thâm nhiếp hết thấy chúng sinh trong tam giới, những người này cũng nên được ban vui, chỉ vì họ lưu chuyển sinh tử không giới hạn, chính là cùng thệ nguyện Bi tương ứng, cần phải bạt trừ tội nhân tội quả kia cho nên nói “sinh đại bi tâm”. Từ “Nên nghĩ thế này” cho đến “tùy nghi thuyết pháp”: nguyên do khởi Từ tâm. Do các người chuộng Tiểu thừa chấp vào phương tiện của Phật coi đó là chân thật, không hiểu Viên đạo cho nên nói “mất lợi lớn”. “Mất lợi lớn” là nguyên do khởi Từ tâm thệ nguyện. Từ “không nghe không biết” trở xuống: nguyên do khởi Bi tâm thệ nguyện. Do chưa phát tâm Thiên, Viên chưa nghe hai đạo Thiên, Viên. Vì “không nghe” Thiên đạo, nên không có Văn tuệ. “Không biết” là không có Tư tuệ. “Chẳng giác” là không có Tu tuệ. Lại, không có tam tuệ Viên giáo. Vì sao? Vì “không hỏi” nên “không nghe”, “không tin” cho nên “không biết”, “không hiểu” nên “không tu”, Thiên Viên tam tuệ Quyền Thật đều không có, rất đáng thương xót, do đó mà khởi bi tâm. Từ “Người ấy dù chẳng hỏi chẳng tin kinh

này” trở xuống chính là phát thệ nguyện. Kia dù không hỏi không tin hai đạo Thiên Viên, mà hàng Bồ-tát không căn cứ Thiên để phát thệ, chỉ muốn cho họ Viên đạo tam tuệ cho nên nói “Người đó dù không hỏi không tin kinh này, lúc ta đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác... dẫn dắt khiến người ấy trụ trong pháp này”. Thệ nguyện Bồ-đề, Trí tuệ, Thần thông, đều căn cứ An lạc hạnh mà đắc. Vì sao? Vì quán sâu tòa Như Lai, cho nên đắc Trí tuệ lực, tứ biện tài trang nghiêm có thể dùng trí cứu giúp. Quán sâu nhà Như Lai, áo Như Lai, thì đắc đại thiện tịch lực, không khởi Diệt định mà hiện các oai nghi. Thần thông phước đức trang nghiêm, thì đều trước dùng định để động.

Từ “Văn-thù” trở xuống: là kết Hạnh thành, chia làm ba phần:

1. Tổng kết không lỗi lầm, tức là Hạnh thành. Hạnh làm sao thành? Do kia lập đại thệ nguyện, vào nhà Như Lai hạnh thành, do kia biết tứ chúng mất Viên đạo, tức tòa Như Lai hạnh thành, do kia thệ chế tâm mình, không giải đãi, tức áo Như Lai hạnh thành. Ba hạnh lập đủ, nên nói Hạnh thành. “Không có lỗi lầm”: Từ bi thành cho nên không có lỗi sân cấu, áo Như Lai thành cho nên không giải đãi, tòa Như Lai thành cho nên không dối nịnh.

2. Từ “Thường được hàng Tỳ-kheo” trở xuống: biệt kết Từ bi hạnh thành. Do Từ thành, cho nên nhiếp được tứ chúng thiên nhân, cúng dường nghe pháp. Thệ nguyện thành cho nên cảm Phật thần thông, chư thiên ủng hộ. Tòa Như Lai thành, cho nên người nghe hoan hỷ.

3. Từ “Vì sao vậy?” trở xuống: giải thích Thệ hạnh thành. Ba đời chư Phật còn thủ hộ hưởng chi chư thiên ư!

Từ “Văn-thù Sư-lợi! Kinh Pháp Hoa này” trở xuống: tán thán kinh khó được nghe, chia làm hai: Pháp thuyết và Thí thuyết. Pháp thuyết có hai: 1. Xưa chưa từng nói rõ, cho nên xưa không đắc. 2. Ngày nay mới đắc. Thí thuyết cũng có hai: 1. Thí dụ không ban cho viên châu, ví như xưa chưa từng nói rõ. 2. Thí dụ ban cho viên châu, ví như ngày nay được nghe. Cả hai thí dụ này đều có khai hợp.

Thí dụ không ban cho hạt châu, lại có sáu phần: 1. Uy phục các nước. 2. Tiểu vương không phụng mệnh lệnh. 3. Khởi binh đến đánh dẹp. 4. Có công hoan hỷ. 5. Tùy công mà ban thưởng. 6. Mà không ban hạt châu. “Luân vương” là dụ cho đức Như Lai hiện hóa ở đời. “Hàng phục các nước” là dụ các cảnh ám giới nhập. “Tiểu vương” là dụ các phiền não; chưa đắc vô lậu điều phục, gọi là “không thuận mệnh lệnh kia”. “Khởi các đạo binh”: dụ phương pháp trong Thất hiền là đạo quân

trước; phương pháp trong Tu-đà-hoàn Tư-đà-hàm là đạo quân tiếp theo; phương pháp trong A-na-hàm A-la-hán là đạo quân sau. Sở phá, là ba độc, đồng phần với tám vạn bốn ngàn giặc cướp. Năng phá, là tám vạn bốn ngàn pháp môn làm chiến sĩ. Từ “Vua thấy binh chúng” trở xuống: người có công hoan hỷ. Từ “Tùy công ban thưởng”... là tùy công ban thưởng. “Ruộng” tức Tam-muội, “nhà” tức trí tuệ, “tụ lạc” là sơ quả nhị quả, “ấp” tức quả thứ ba, “thành” tức Niết-bàn, “y phục” tức Tâm, Nhẫn thiện pháp, “trang nghiêm nơi thân” tức thiện pháp trợ đạo. “Các thứ bảy báu” tức thất giác chi. “Voi ngựa xe cộ” tức Nhị thừa Tận trí Vô sinh trí. “Nô tỳ” tức thần thông, đặc hữu lậu thiện pháp như “nhân dân”. Từ “Chỉ viên minh châu trong búi tóc” trở xuống, là phần sáu không ban hạt châu. Có xuất căn cơ Phần đoạn, là lập công trạng Tiểu thừa. Có xuất căn cơ Biến dịch, là lập công trạng Đại thừa. “Rất kinh lạ”: Là chưa có công lớn mà bỗng ban cho viên minh châu trong búi tóc, thì các quyền thuộc của vua đều cho là lạ, ví như cơ duyên Đại thừa của chúng sinh chưa lay động mà bỗng nói kinh này, thì làm cho hàng nhị thừa nghi hoặc, hàng Bồ-tát kinh lạ. Hợp sáu thí dụ mỗi mỗi như văn.

Từ “Văn-thù-sư-lợi! Như luân vương” trở xuống: là Thí dụ ban cho viên châu, lại có hai: 1) Có công trạng lớn. 2) Ban cho viên minh châu. “Viên minh châu”: “Minh” là dụ cho trí Trung đạo, “viên” là dụ cho thường. “Ổ trên đỉnh đầu” là cực quả. “Trong búi tóc” là Thực được giấu ở Quyền. “Mở búi tóc” tức mở Quyền, “ban cho viên minh châu” tức hiển Thật.

Hợp thí cũng có hai phần, như văn. “Có thể khiến chúng sinh đạt đến nhất thiết trí”. Trí tức là quả, gọi là “Hạnh nhất”. Lời nói đệ nhất của Như Lai là “Giáo nhất”, tặng bí mật là “Lý nhất”, bao gồm được “Nhân nhất”.

Kệ có mười bốn hàng rưỡi, chia làm hai: 1. Bốn hàng đầu, tụng hành pháp bên trên. 2. Mười hàng rưỡi tiếp, tụng tán thán kinh. Đầu tiên tụng hành pháp lại chia làm hai: 1. Một hàng đầu tụng Hạnh thành tựu. Bên trên tụng nêu Hạnh thành, nay tụng hiển riêng. “Thường tu hạnh nhẫn nhục” tụng mặc áo Như Lai hạnh thành. “Thương xót tất cả chúng”: tụng vào nhà Như Lai hạnh thành. “Mới có thể diễn nói”: tụng ngôi tòa Như Lai hạnh thành. 2. Từ “Đời mạt thế về sau” trở xuống, ba hàng: tụng tu hành pháp. Trên có ba cảnh do thệ nguyện..., kệ tụng đủ.

Từ “Như vua Chuyển luân Thánh vương có sức mạnh” trở xuống, mười hàng rưỡi: tụng tán thán pháp khó nghe bên trên. Trên có Pháp,

Thí, Hợp. Đây chỉ tụng Thí và Hợp. Tụng Thí có hai: 1. Ba hàng đầu, tụng không cho viên minh châu. 2. Từ “Nếu có người mạnh mẽ” trở xuống, một hàng, tụng cho viên châu. Từ “Đức Như Lai cũng vậy” trở xuống là phần Hợp thí: 1. Ba hàng rưỡi, tụng hợp không cho viên châu. 2. Từ “Đã biết loài chúng sinh” trở xuống, ba hàng tụng hợp cho châu. Trong đó lược khai v.v...

Từ “Sau khi ta diệt độ” trở xuống, hai mươi ba hàng là đoạn thứ ba của phẩm này, tổng kết Hạnh thành tựu tướng cảm hóa răn bảo. Khuyên tu hành chia làm ba: 1. Một hàng rưỡi, kết khuyên bốn hạnh. 2. Hai mươi hàng rưỡi, nêu ba báo để khuyên cũng gọi là ba chướng thanh tịnh. 3. Một hàng, tổng kết.

Phần Ba chướng thanh tịnh: chuyển dứt hết ác nghiệp đời hiện tại và đời sau, tức đắc quả báo thù thắng đời hiện tại và đời sau. Phần này lại chia làm ba phần: 1. Một hàng: “Không ưu não” là báo chướng chuyển, chuyển hiện báo. 2. Nửa hàng: “Không sinh nhà bần cùng”, là nghiệp chướng chuyển, chuyển sinh báo. 3. Từ “Chúng sinh thường ưa thấy” trở xuống, mười chín hàng, là phiền não chướng chuyển, chuyển hậu báo. Đây là phần đầu “Người đọc tụng kinh này” trở xuống, một hàng, là diệt ưu não hiện tại, tức trừ quả báo khổ thọ, đây là chuyển hiện báo tâm, không có bệnh đau tức là chuyển báo sắc. 2. “Không sinh nhà bần cùng” xuống nửa hàng, là chuyển ác nghiệp, nhân ác nghiệp ứng cảm ác quả, do nhờ lực của kinh chuyển nhân ác xấu đắc quả tốt tức chuyển sinh báo. “Không sinh”, tức không sinh ác nghiệp. Hiện tại trì kinh, không tạo nghiệp bần cùng thì đời sau không sinh nơi thấp kém nghèo cùng. 3. Từ “Chúng sinh thường ưa thấy” trở xuống, mười chín hàng, nêu hậu báo chuyển, chuyển ba phiền não chướng, chia làm hai phần: 1. Ba hàng đầu, riêng nêu ba phiền não chướng chuyển. 2. Mười sáu hàng tổng nêu tất cả chướng chuyển.

Ba hàng đầu lại chia làm ba: 1. Từ “Chúng sinh thường ưa thấy” trở xuống, một hàng, riêng nêu tham chướng chuyển. Người nhiều ham muốn thì bỗng nhiên kiêu mạn, lại chướng sinh cõi Phạm thiên. Vì dục chướng chuyển, cho nên được người ưa thấy và sai khiến được các đồng tử cõi trời. 2. Từ “Dao gậy chẳng đến được” trở xuống, một hàng rưỡi, riêng nêu sân chướng chuyển, xả sân thì trừ được đao tên bên trong, vào trận thì đao bên ngoài không làm tổn thương. 3. Từ “Trí tuệ rất sáng suốt” trở xuống, nửa hàng, riêng nêu ngu si chướng chuyển.

Từ “Nếu ở trong chiêm bao chỉ thấy các việc tốt” trở xuống, mười sáu hàng, tổng nêu tất cả phiền não chướng chuyển, cũng là hậu báo

chuyển. Do trì kinh mà hiện tại cảm được tướng này, nên biết do quá khứ lâu xa tu tập đã thành tựu, nay nhờ duyên mà phát sinh. Lại có các tướng nhân quả thành Phật, đều là hậu báo. Ở trong mộng thấy tướng hậu báo đời vị lai. Việc trăm ngàn vạn ức kiếp chỉ nhất niệm trong mộng, dùng để tiêu biểu pháp vi diệu bất khả tư nghì, một trong vô lượng, vô lượng trong một. Tướng ấy trước hiện sau được quả, lại chia làm sáu: 1. Từ sơ tín tâm cho đến Diệu giác tám tướng thành Phật, đều là Như Lai trang nghiêm mà tự trang nghiêm, tức Nhẫn nhục báo. Căn cứ ba hàng đầu, mộng nhập Thập tín, lại có hai: Hai hàng rưỡi đầu: Từ bi báo, nửa hàng sau: Chánh kiến là Vô si báo. 2. Từ “Lại thấy các đức Phật” trở xuống, sáu hàng rưỡi, mộng nhập Thập trụ. 3. Từ “Lại thấy tự thân mình” trở xuống ba câu: mộng tu Thập hạnh. 4. “Chứng thật tướng các pháp” một câu: mộng ngộ Thập hồi hương. 5. Từ “Sâu vào trong thiền định” trở xuống nửa hàng: mộng nhập Thập địa. 6. Từ “Chư Phật thân sắc vàng” trở xuống năm hàng: mộng nhập Diệu giác.

Đã nói chứng Bất thoái trí tức là thọ ký, nên biết được nhập địa vị Sơ trụ Vô sinh được thọ ký. “Lại thấy tự thân mình ở trong núi rừng vắng”, biết là Thập hạnh tu tập thiện pháp. “Chứng thật tướng các pháp”, biết là Thập hồi hương, ở địa vị chánh quán Trung đạo. “Sâu vào trong thiền định” tức Vô cấu Tam-muội, trong địa thứ mười, nhập kim cang định, chư Phật đều hiện xoa đầu cho thọ chức vị. Mộng thấy tám tướng thành Phật, thì biết là nhập Diệu giác. Trong đây hoặc là Sơ trụ có thể có tám tướng thành Phật, vẫn là các địa vị theo thứ tự trước dựa vào để luận về giác tột cùng.

Từ “Nếu ở đời ác sau” trở xuống, một hàng: tổng kết Hạnh thành. Tín căn: đối với Tam bảo được lòng tin kiên cố, tất cả không thể cản trở hủy hoại. Tinh tấn căn: đắc Tứ chánh căn. Niệm căn: đắc Tứ niệm xứ quán, Cần phương tiện điều phục tham ưu. Định căn: đắc Tứ thiền. Tuệ căn: đắc giải Tứ đế, như thật biết. Lại, tín căn: đối với Như Lai phát Bồ đề tâm sở, đắc tâm tịnh tín. Tinh tấn căn: đối với Như Lai, phát tâm sở khởi tinh tấn. Niệm căn: đối với Như Lai, phát tâm sở khởi niệm. Định căn: đối với Như Lai sở, khởi Tam-muội. Tuệ căn: đối với Như Lai sở, khởi trí tuệ. Bát chánh là đạo Sa-môn, cũng là pháp của Sa-môn. Thành tựu của công việc tham sân và tất cả phiền não đều tận diệt, là nghĩa Sa-môn. Tứ quả là quả Sa-môn. “Mộng”: từ Tu-đà-hoàn đến Bích-chi-phật thấy đều có mộng, chỉ có đức Phật là không có mộng. Do không nghi ngờ, không có tập khí, cho nên không có mộng. Từ năm việc mà có mộng, như kệ nói: Do nghi ngờ, tâm phân biệt; học, ôn lại nhân đố

---

mà hiện các việc, Phi nhân đến nói với nhau. Nhân năm việc này mà có mộng. Lại, các điều được nghe thấy trở lại, và các lo lắng, cộng thành bảy việc cho nên có mộng.

Hỏi: Hiện tại ý thức còn không thấy sắc, tại sao trong mộng ý địa thấy sắc?

Đáp: Đều là từng thấy từng nghe, cho nên tưởng đó thôi! Lại mộng thấy tướng lành, tướng không lành đó thôi!

Hỏi: Trong mộng không có thần thông, không có Túc mạng trí, làm sao có thể thấy việc đời vị lai?

Đáp: Đây chẳng phải cảnh giới nguyện trí, chính là so sánh mà biết. Có những người đã từng có mộng như vậy thì quả như vậy, nay dùng đó để so sánh đó thôi!

Hỏi: Ai ngủ?

Đáp: Chúng sinh trong năm đường và trung ấm, đều có ngủ. Ở trong thai các căn đầy đủ, cũng gọi là ngủ, cho đến Phật cũng ngủ.

Hỏi: Ngủ là ngu, một trong “ngũ cái”, đây làm sao thông?

Đáp: Đức Phật thì tâm luôn tỉnh thức hiện tiền, vì muốn điều thân cho nên ngủ, chứ chẳng phải “cái”, chẳng phải ngu mà ngủ.

-----